

OR=30,85 (khoảng tin cậy 95%: 2,77-94,56; $p<0,01$). Độ thanh thải lactate huyết thanh $<25,60\%$ làm tăng nguy cơ tử vong với OR=7,89 lần (KTC 95%: 1,13-34,89; $p=0,037 <0,05$). Điểm APACHE II ≥ 21 làm tăng nguy cơ tử vong với OR=28,80 lần (KTC 95%: 3,80-87,99; $p=0,001$). Độ thanh thải PCT huyết thanh tại thời điểm 48h tăng 1% thì tiên lượng tử vong giảm 0,9% ($p=0,028$); độ thanh thải lactate huyết thanh tăng 1% thì tiên lượng tử vong giảm 0,2% ($p=0,046$). APACHE II ở T0 tăng 1 điểm thì nguy cơ tử vong tăng 3,3% ($p=0,047$).

Trần Xuân Thịnh và cộng sự nhận thấy, độ thanh thải PCT huyết thanh 24 giờ có giá trị tiên lượng tử vong với điểm cắt tương ứng là 23% (độ nhạy 75,4%, độ đặc hiệu 81,6%, $p <0,01$) và sau 48 giờ là 38,9% (độ nhạy 95,7% và độ đặc hiệu 74,2%, $p<0,01$) [10]. Tương tự, Đoàn Đức Nhân và cộng sự năm 2022 nhận thấy độ thanh thải lactate tại thời điểm 6 giờ sau nhập viện có giá trị trong tiên lượng tử vong bệnh nhân sốc nhiễm khuẩn với điểm cắt lần lượt là 1,76% (độ nhạy 82,3% và độ đặc hiệu 78,4%) và sau 12 giờ nhập viện là 10,56% (độ nhạy 86,1% và độ đặc hiệu 86,3%) [8].

V. KẾT LUẬN

Sự thay đổi nồng độ procalcitonin, lactate huyết thanh giữa thời điểm 48 giờ sau sốc so với thời điểm bắt đầu sốc và điểm số APACHE II tại thời điểm bắt đầu sốc có giá trị tốt trong tiên lượng tử vong ở bệnh nhân sốc nhiễm khuẩn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Cui N., Zhang H., Chen Z., et al.**, Prognostic significance of PCT and CRP evaluation for adult ICU patients with sepsis and septic shock:

retrospective analysis of 59 cases. J Int Med Res. 2019. 47, 1573-1579.

2. **Ryoo S.M., Lee J., Lee Y.S., et al.**, Lactate level versus lactate clearance for predicting mortality in patients with septic shock defined by Sepsis-3. Crit Care Med. 2018. 46, e489-95.
3. **Cuiping H., Qinghe H., Lina Z., et al.**, Combined prognostic value of serum lactic acid, procalcitonin and severity score for short-term prognosis of septic shock patients. Chin Crit Care Med. 2021. 33(3), 281-285.
4. **Hu C., Zhou Y., Liu C., et al.**, Pentraxin-3, procalcitonin and lactate as prognostic markers in patients with sepsis and septic shock. Oncotarget. 2018. 9(4), 5125-5136.
5. **Ryoo S.M., Han K.S., Ahn S., et al.**, The usefulness of C-reactive protein and procalcitonin to predict prognosis in septic shock patients: A multicenter prospective registrybased observational study. Scientific report. 2019. 9(6579), 1-8.
6. **Rhodes A., Evans L.E., Alhazzani W., et al.** Surviving Sepsis Campaign: International Guidelines for Management of Sepsis and Septic Shock: 2016. Intensive Care Med. 2017. 43(3), 304-377.
7. **Phạm Hải Đăng**, Nghiên cứu sự biến đổi và vai trò tiên lượng của sức căng dọc thất trái đo bằng siêu âm đánh dấu mô cơ tim ở bệnh nhân sốc nhiễm khuẩn. 2019. Luận án tiến sỹ Y học, Viện nghiên cứu khoa học Y dược lâm sàng 108.
8. **Đoàn Đức Nhân, Danh Minh Sung, Võ Minh Phương, cộng sự**, Vai trò của độ thanh thải lactate trong tiên lượng tử vong ở bệnh nhân sốc nhiễm khuẩn. Tạp chí Y dược học Cần Thơ. 2023. 69/2023, 106-112.
9. **Dương Thiện Phước, Nguyễn Trung Kiên, Nguyễn Tân Đạt**, Nghiên cứu nguyên nhân, một số yếu tố liên quan đến mức độ nặng và đánh giá kết quả điều trị choáng nhiễm trùng tại Khoa Hồi sức tích cực - Chống độc Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ năm 2016-2017. Tạp chí Y Dược học Cần Thơ. 2018. 11, 1-8.

KHẢO SÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CỦA CÁC PHÒNG XÉT NGHIỆM THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH NGOẠI KIỂM CÁC THÔNG SỐ ION ĐỒ TỪ NĂM 2021 ĐẾN 2023

Trần Nhật Nguyên¹, Lê Thanh Tùng¹, Văn Hy Triết¹,
Nguyễn Thị Ngọc Diễm¹, Nguyễn Thị Ngọc Dung¹, Nguyễn Tiến Huỳnh¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: Khảo sát tình hình tham gia ngoại kiểm các thông số ion đồ (Na^+ , K^+ , Ca^{++} , Cl^-) ở các

phòng xét nghiệm (PXN) có triển khai thực hiện xét nghiệm ion đồ. Đánh giá hiệu quả triển khai chương trình ngoại kiểm ion đồ từ năm 2021 đến năm 2023.
Phương pháp nghiên cứu: Hồi cứu dữ liệu tham gia và tổng kê mô tả hiệu quả thực hiện chương trình ngoại kiểm ion đồ từ năm 2021 đến năm 2023 do Trung tâm Kiểm chuẩn chất lượng xét nghiệm y học – Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh triển khai.
Kết quả: Số PXN tham gia ngoại kiểm thông số Ca^{++} năm 2021, 2022 và 2023 lần lượt là 44, 40 và 39 PXN. Từ năm 2021 đến năm 2023, số PXN tham gia ngoại

¹Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Tiến Huỳnh

Email: nguyentienhuynh@ump.edu.vn

Ngày nhận bài: 7.6.2024

Ngày phản biện khoa học: 10.7.2024

Ngày duyệt bài: 13.8.2024

kiểm các thông số Cl^- , Na^+ , K^+ tăng nhưng không ổn định qua các năm, cụ thể thông số Cl^- tăng 10%, K^+ tăng 7% và Na^+ tăng 8%. Chất lượng của các đơn vị tham gia qua các năm có kết quả không đạt đều trên 10% ở các thông số khảo sát. **Kết luận:** Tỷ lệ các PXN tham gia thực hiện ngoại kiểm cho xét nghiệm ion đồ vẫn còn thấp ở các tuyến so với số lượng tổng các PXN có thực hiện xét nghiệm. Chất lượng kết quả ngoại kiểm các thông số ion đồ qua các năm vẫn còn cao và chưa có cải thiện đáng kể, cần phải được tăng cường tập huấn và đào tạo để giảm thiểu các sai sót trong quá trình thực hiện.

Từ khóa: Ngoại kiểm, hiệu quả, ion đồ.

SUMMARY

SURVEY OF THE PROFICIENCY TESTING OF PARTICIPATING LABORATORIES IN THE EXTERNAL QUALITY ASSESSMENT PROGRAM FOR ELECTROLYTE PARAMETERS FROM 2021 TO 2023

Objective: This study aimed to survey the implementation status of laboratories involved in external quality assessment (EQA) of electrolyte parameters (Na^+ , K^+ , Ca^{++} , Cl^-) and evaluate the effectiveness of the EQA program from 2021 to 2023.

Methods: Retrospective data analysis and descriptive statistics were used to assess the efficiency of the EQA program for electrolyte parameters from 2021 to 2023, implemented by the Quality Control Center for Medical Laboratory - University of Medicine and Pharmacy at Ho Chi Minh City. **Results:** The number of participating laboratories in external quality assessment of Ca^{++} in 2021, 2022, and 2023 were 44, 40, and 39 laboratories, respectively. From 2021 to 2023, the number of laboratories participating in external quality assessment of Cl^- , Na^+ , K^+ increased but was not stable over the years. Specifically, Cl^- increased by 10%, K^+ increased by 7%, and Na^+ increased by 8%. The quality of participating units varied over the years, with consistently unsatisfactory results exceeding 10% across surveyed parameters.

Conclusions: The proportion of laboratories participating in external quality assessment for electrolyte testing remains low compared to the total number of laboratories conducting tests. The quality of external quality assessment results for electrolyte parameters has remained high and has not significantly improved over the years, indicating the need for enhanced training and education to minimize errors in the implementation process.

Keywords: External quality assessment, effectiveness, electrolytes.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Xét nghiệm điện giải đồ là một xét nghiệm thường quy, được thực hiện rộng rãi và phổ biến trong các phòng xét nghiệm, chúng ta cần phải có phương pháp kiểm soát chất lượng nhằm nâng cao độ tin cậy của kết quả xét nghiệm. Để đảm bảo chất lượng xét nghiệm, mỗi đơn vị nên triển khai hệ thống quản lý chất lượng theo hướng dẫn của Thông tư số 01/2013/TT-BYT của

Bộ Y tế [1], khuyến cáo của CLSI, CDC và Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) [2], [3]. Nội kiểm (IQC) và ngoại kiểm (External quality Assessment-EQA) là 2 công cụ có tầm quan trọng hàng đầu trong đảm bảo chất lượng xét nghiệm. Ngoại kiểm tra chất lượng cung cấp bằng chứng khách quan về độ tin cậy và tính chính xác cho các kết quả xét nghiệm [4]. Về bản chất, ngoại kiểm trong phòng xét nghiệm y học là thuật ngữ dùng để mô tả phương pháp so sánh kết quả xét nghiệm của phòng xét nghiệm y học trong cùng nhóm hoặc với phòng xét nghiệm tham chiếu và được thực hiện bởi một cơ quan, tổ chức bên ngoài phòng xét nghiệm. EQA giúp cho phòng xét nghiệm trong việc kiểm soát chất lượng xét nghiệm giai đoạn trong xét nghiệm, đồng thời EQA như là một công cụ minh chứng cho sự hoàn thiện của hệ thống chất lượng trong phòng xét nghiệm góp phần không nhỏ trong việc chẩn đoán và điều trị cho bệnh nhân [5].

Tham gia ngoại kiểm chất lượng xét nghiệm, cho thấy thái độ trách nhiệm về các vấn đề chất lượng được các nhà quản lý đặt lên hàng đầu và lấy chất lượng làm cơ sở để liên thông kết quả xét nghiệm giữa các phòng xét nghiệm với nhau [6]. Theo Quyết định số 316/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc "Phê duyệt đề án tăng cường năng lực hệ thống quản lý chất lượng xét nghiệm 2016 – 2025" [7] và Quyết định số 2429/QĐ-BYT của Bộ Y tế về việc "Ban hành tiêu chí đánh giá mức chất lượng phòng xét nghiệm y học" [8], hướng tới liên thông kết quả xét nghiệm giữa các đơn vị theo lộ trình thì ngoại kiểm tra chất lượng là một trong những tiêu chí bắt buộc các phòng xét nghiệm phải tham gia. Để đánh giá tình hình tham gia thực hiện và kết quả thực hiện của các phòng xét nghiệm tham gia chương trình ngoại kiểm ion đồ qua các năm nhằm đánh giá lại hiệu quả quá trình triển khai chương trình, chúng tôi tiến hành nghiên cứu "Khảo sát tình hình tham gia và đánh giá hiệu quả triển khai chương trình ngoại kiểm các thông số ion đồ từ năm 2021 đến 2023".

Mục tiêu nghiên cứu:

1. Xác định tỷ lệ và đặc điểm của các PXN tham gia chương trình ngoại kiểm các thông số ion đồ.

2. Đánh giá chất lượng tham gia chương trình ngoại kiểm các xét nghiệm ion đồ của PXN từ năm 2021 đến 2023.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thiết kế nghiên cứu: Thực hiện hồi cứu dữ liệu đăng ký tham gia chương trình ngoại

kiểm có các thông số ion đồ và kết quả thực hiện của các PXN tham gia từ năm 2021 đến năm 2023, quá trình được tiến hành dựa trên các số liệu lưu trữ tại Trung tâm Kiểm chuẩn chất lượng xét nghiệm y học – Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là Trung tâm).

Chương trình ngoại kiểm các thông số ion đồ hiện tại đang triển khai tại Trung tâm là chương trình hợp tác quốc tế RIQAS (hãng Randox, UK), bao gồm các thông số ion: Na⁺ (Sodium), K⁺ (Potassium), Cl⁻ (Chloride) và Ca⁺⁺ (Calcium) được triển khai 12 đợt trong 1 chu kỳ (1 năm), mỗi đợt thực hiện phân tích trên 1 mẫu. Tất cả các kết quả thực hiện ngoại kiểm của đơn vị tham gia được trả về Trung tâm từ năm 2021 đến năm 2023 sẽ được thống kê và xử lý bằng chương trình Microsort Excel 365.

Phương pháp đánh giá: Theo ISO 13528:2022 về Các phương pháp thống kê để sử dụng trong thử nghiệm thành thạo bằng so sánh liên phòng thí nghiệm [9] và ISO 17043:2023 về Đánh giá sự phù hợp - yêu cầu chung đối với thử nghiệm thành thạo [10] việc đánh giá kết quả thực hiện ngoại kiểm của đơn vị qua từng đợt dựa vào Chỉ số độ lệch chuẩn (SDI). SDI là thước đo chuẩn hóa thể hiện độ chệch của phòng xét nghiệm, được tính bằng cách sử dụng giá trị ấn định và độ lệch chuẩn, với công thức:

$$SDI = \frac{x - \bar{X}}{SD^*}$$

Trong đó: SDI: chỉ số độ lệch chuẩn

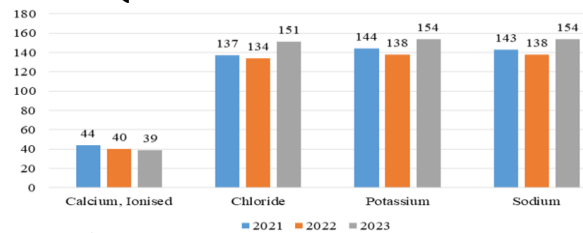
x: là kết quả ngoại kiểm của đơn vị tham gia.

\bar{X} : giá trị ấn định theo nhóm so sánh

SD*: độ lệch chuẩn dùng cho đánh giá thành thạo. Đồng thời, kết quả chỉ số độ lệch chuẩn (SDI) của mỗi phòng xét nghiệm được giải thích như sau:

- Khi $|SDI| \leq 2,0$ kết quả đơn vị được chấp nhận.
- Khi $2,0 < |SDI| < 3,0$ kết quả đơn vị ở mức "tín hiệu cảnh báo", đơn vị cần xem xét - lại quy trình thực hiện.
- Khi $|SDI| > 3,0$ kết quả đơn vị ở mức "tín hiệu hành động", yêu cầu đơn vị tiến hành rà soát những nguyên nhân và khắc phục những sai sót xảy ra trong quá trình phân tích.

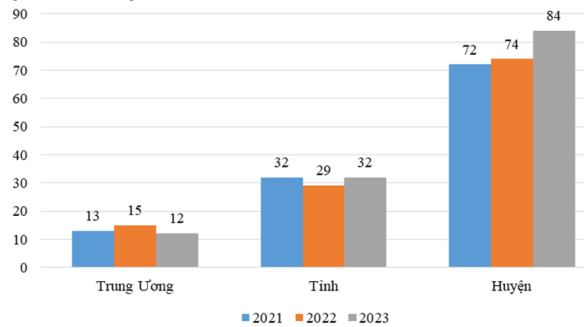
III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU



Biểu đồ 1: Số lượng phòng xét nghiệm

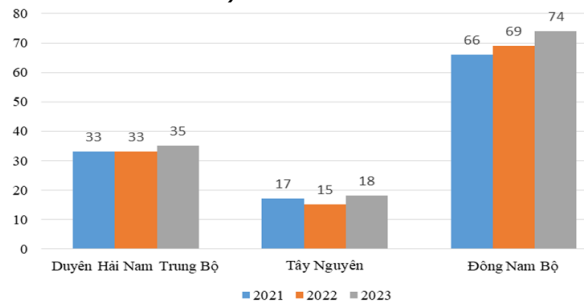
tham gia ngoại kiểm các thông số ion đồ từ năm 2021 đến 2023

Số PXN tham gia ngoại kiểm ở thông số Ca⁺⁺ có chiều hướng giảm dần qua các năm, cụ thể từ năm 2021 đến năm 2023 số PXN tham gia lần lượt là 44, 40 và 39 phòng. Các thông số Cl⁻, K⁺ và Na⁺ có số lượng các PXN tham gia thay đổi theo chiều hướng gia tăng nhưng không ổn định qua các năm, năm 2022 giảm so với năm 2021 và năm 2023 tăng cao so với 2 năm trước đó (Biểu đồ 1).



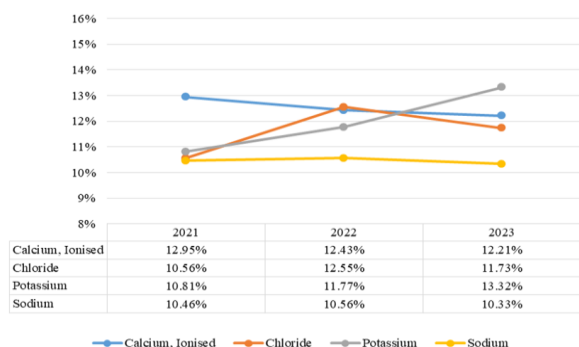
Biểu đồ 2: Số lượng các phòng xét nghiệm tham gia ngoại kiểm các thông số ion đồ phân bố theo tuyến bệnh viện

Từ Biểu đồ 2 cho thấy số lượng các PXN tham gia ngoại kiểm ion đồ chủ yếu tập trung nhiều ở tuyến huyện. Ở tuyến Trung ương và tuyến Tỉnh số lượng các PXN tham gia thay đổi không ổn định qua các năm và không có chiều hướng gia tăng, riêng ở tuyến Huyện các PXN tham gia có chiều hướng tăng liên tục qua các năm (72 phòng ở năm 2021, 74 và 84 phòng ở năm 2022 và 2023).



Biểu đồ 3: Số lượng các phòng xét nghiệm tham gia ngoại kiểm các thông số ion đồ phân bố theo vùng

Các PXN tham gia ngoại kiểm ion đồ phân bố đều ở các khu vực trong cả nước. Trong đó khu vực Tây Nguyên có số lượng PXN tham gia ít hơn các khu vực còn lại và thay đổi không ổn định qua các năm. Khu vực Đông Nam Bộ có số lượng PXN tham gia nhiều nhất với 74 PXN tham gia năm 2023 và số lượng tăng liên tục qua các năm (Biểu đồ 3).



Biểu đồ 4: Tỷ lệ không đạt của các phòng xét nghiệm tham gia ngoại kiểm các thông số ion đồ từ năm 2021 đến 2023

Tỷ lệ không đạt của các PXN khi tham gia ngoại kiểm các thông số ion đồ nhìn chung vẫn còn ở mức cao và không có sự cải thiện đáng kể qua các năm, dao động từ 10.33% đến 13.32% tùy theo từng thông số. Thông số Ca^{++} và Na^+ có tỷ lệ không đạt giảm nhưng không đáng kể, từ 12.95% năm 2021 còn 12.21% năm 2023 đối với Ca^{++} và từ 10.46% năm 2021 còn 10.33% năm 2023 với Na^+ . Các thông số Cl^- , K^+ có tỷ lệ không đạt tăng qua các năm.

IV. BÀN LUẬN

Theo Quyết định số 3148/QĐ-BYT ngày 07 tháng 07 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc Ban hành danh mục xét nghiệm áp dụng để liên thông, công nhận kết quả xét nghiệm thì Ca^{++} là một trong các xét nghiệm thuộc danh mục liên thông, việc tham gia thực hiện ngoại kiểm là bắt buộc đối với các đơn vị có thực hiện xét nghiệm nếu muốn liên thông được kết quả với nhau. Số lượng phòng xét nghiệm tham gia chương trình ngoại kiểm các thông số ion đồ có sự thay đổi qua các năm và có sự khác nhau giữa các thông số. Thông số Ca^{++} có số lượng PXN tham gia ít hơn nhiều so với các thông số còn lại (hơn 60%), các thông số Na^+ , K^+ và Cl^- có số lượng các PXN tham gia tương đương nhau do 3 thông số này luôn được thực hiện cùng nhau trên 1 hệ thống máy và triển khai đồng bộ với nhau, riêng thông số Ca^{++} không được triển khai tại một số PXN.

Trong nghiên cứu này chúng tôi thống kê số liệu tại các PXN trong khu vực thuộc Trung tâm Kiểm chuẩn chất lượng xét nghiệm y học – Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh được phân công quản lý Theo quyết định số 161/QĐ-BYT ngày 17 tháng 01 năm 2012 của Bộ Y tế về việc Quy định phân công phụ trách hoạt động chuyên môn kiểm chuẩn chất lượng xét nghiệm của ba Trung tâm Kiểm chuẩn chất lượng xét nghiệm y học. Các PXN tham gia ngoại kiểm ion đồ phân

bố không đồng đều ở các khu vực. Khu vực Đông Nam Bộ có số lượng PXN tham gia chiếm đa số qua các năm so với các khu vực còn lại. Sự khác biệt này là do ở khu vực Đông Nam Bộ có tổng số các PXN tương đối lớn hơn các khu vực khác và việc triển khai thực hiện ngoại kiểm được đồng bộ và hiệu quả hơn. Theo nghiên cứu của Rixin Jamtsho and Wilairat Nuchpramool (2012), hầu hết các bệnh viện ở Bhutan đều gặp nhiều hạn chế trong việc triển khai các chương trình ngoại kiểm về hóa sinh lâm sàng. Thuốc thử và vật liệu ngoại kiểm được nhập khẩu thương mại và tiêu tốn chi phí khá lớn. Chi phí này có thể được giảm bớt bằng cách tự sản xuất các mẫu ngoại kiểm và hiệu suất tổng thể của phòng thí nghiệm cũng sẽ được cải thiện bằng cách triển khai các chương trình ngoại kiểm.

Tỷ lệ không đạt của các PXN khi tham gia ngoại kiểm các thông số ion đồ nhìn chung vẫn còn ở mức cao và không có sự cải thiện đáng kể qua các năm. Chất lượng của các đơn vị tham gia qua các năm có kết quả không đạt đều trên 10% ở các thông số khảo sát, thể hiện ở tỷ lệ PXN có kết quả đạt đều dưới 90%. Cần phải có sự can thiệp tác động hỗ trợ của Trung tâm trong việc xác định lỗi sai dẫn đến các kết quả không đạt của đơn vị, cũng như phương án khắc phục để nâng cao chất lượng của các đơn vị tham gia.

V. KẾT LUẬN

Số lượng phòng xét nghiệm tham gia chương trình ngoại kiểm các thông số ion đồ có tăng nhưng không đồng đều qua từng năm giữa các tuyến y tế. Chất lượng kết quả ngoại kiểm các thông số ion đồ qua các năm vẫn còn cao và chưa có cải thiện đáng kể, cần phải được tăng cường hỗ trợ và đào tạo để giảm thiểu các sai sót trong quá trình thực hiện.

VI. LỜI CẢM ƠN

Nhóm nghiên cứu chân thành cảm ơn Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp kinh phí thực hiện nghiên cứu này theo hợp đồng số 62/2023/HĐ-ĐHYD ngày 20 tháng 03 năm 2023.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Bộ Y Tế** (2013), Thông tư 01 Hướng Dẫn Thực Hiện Quản Lý Chất Lượng Xét Nghiệm Tại Cơ Sở Khám Chữa Bệnh.
2. **Clinical and Laboratory Standards Institute QMS01-A4** (2011), Quality Management System: A model for Laboratory Services; Approved Guideline-Fourth Edition.
3. **World Health Organization** (2011), Overview of External Quality Assessment (EQA), tr. 1-8.
4. **Nguyễn Văn Thắng Vũ Quang Huy, và cộng sự** (2014), Đánh giá chất lượng xét nghiệm trên

86 phòng xét nghiệm tham gia chương trình ngoại kiểm (EQA) Hóa Sinh-Miễn dịch hợp tác quốc tế với Australia năm 2013 của Trung tâm kiểm chuẩn Chất lượng Xét nghiệm Y học-Bộ y tế tại ĐHYD TP HCM, Tạp Chí Y học Tp. Hồ Chí Minh (ISSN 1859-1779), số 18(5), tr. 214-219.

5. **Vũ Quang Huy, Trần Thái, Nguyễn Văn Hoàng Sơn, Lê Ngọc Minh Trân, Huỳnh Thị Diễm Phúc** (2016), Khảo sát nhu cầu tham gia ngoại kiểm và đánh giá chất lượng năm 2015 tại các phòng xét nghiệm thuộc trung tâm kiểm chuẩn chất lượng xét nghiệm y học Đại học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh., Y học Tp. Hồ Chí Minh, số 20(5), tr. 397-403.
6. **Kettelhut M. M., Chiodini P. L., và Edwards H.** (2003), External quality assessment schemes raise standards: evidence from the UKNEQAS

parasitology subschemes, J Clin Pathol, số 56(12), tr. pp. 927 - 932.

7. **Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ngày 27 tháng 02 năm 2016.** Phê duyệt đề án tăng cường năng lực hệ thống quản lý chất lượng xét nghiệm y học giai đoạn 2016 – 2025.
8. **Bộ Y tế** (2017), Quyết định 2429/QĐ-BYT Ban hành Bộ Tiêu chí đánh giá mức chất lượng phòng xét nghiệm y học.
9. **The International Organization for Standardization** (2022). ISO 13528:2022, Statistical methods for use in proficiency testing by interlaboratory comparison.
10. **The International Organization for Standardization** (2023), ISO 17043:2023, Conformity assessment - General requirements for the competence of proficiency testing providers.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG CÁC CHẾ PHẨM MÁU TẠI BỆNH VIỆN NGUYỄN TRI PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2023

Lê Thị Thanh Nhân¹, Nguyễn Ngọc Tâm²,
Lê Thị Trúc Đào², Nguyễn Minh Hà^{2,3}

Từ khóa: Truyền máu, chế phẩm máu

TÓM TẮT

Mục tiêu: Khảo sát thực trạng sử dụng chế phẩm máu tại bệnh viện Nguyễn Tri Phương và tình hình cung cấp chế phẩm máu từ các đơn vị cung ứng đối với bệnh viện trong giai đoạn 2021-2023. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Thiết kế mô tả cắt ngang trên toàn bộ các chế phẩm máu được sử dụng tại bệnh viện Nguyễn Tri Phương từ 01/2021 đến hết 12/2023. Số liệu được thu thập từ sổ cấp phát máu của Khoa Xét nghiệm, được trình bày theo phương pháp thống kê mô tả. **Kết quả:** Từ năm 2021 đến 2023, tổng số lượng chế phẩm máu đã sử dụng là 26 315 đơn vị, trong đó chủ yếu là khối hồng cầu (67,6%), huyết tương tươi đông lạnh (26,8%), khối tiểu cầu gạn tách (5,2%) và tủa lạnh (0,5%). Các khoa sử dụng chế phẩm máu nhiều nhất là khoa Nội (40,7%), khoa Hồi sức tích cực (22,6%), khoa Ngoại (21,2%), khoa Cấp cứu (8,4%). Nhóm máu O được sử dụng nhiều nhất (44,5%), đến nhóm máu B, A và AB với tỉ lệ tương ứng là 29,3%, 21,3% và 4,8%. Khả năng cung cấp các chế phẩm máu từ đơn vị cung ứng đáp ứng từ 95,6% trở lên. **Kết luận:** Từ năm 2021-2023, số lượng chế phẩm máu được sử dụng ngày càng tăng, sự khác biệt về tỉ lệ sử dụng chế phẩm máu phản ánh sự khác nhau trong nhu cầu và đặc thù điều trị cho bệnh nhân ở các khoa lâm sàng, khả năng cung cấp các chế phẩm máu từ đơn vị cung ứng đáp ứng rất tốt với nhu cầu của bệnh viện.

¹Đại học Nguyễn Tất Thành

²Bệnh viện Nguyễn Tri Phương

³Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Minh Hà

Email: nguyenminhha@pnt.edu.vn

Ngày nhận bài: 6.6.2024

Ngày phản biện khoa học: 11.7.2024

Ngày duyệt bài: 13.8.2024

SUMMARY

THE SITUATION OF BLOOD PRODUCTS USE AT NGUYEN TRI PHUONG HOSPITAL IN THE PERIOD 2021-2023

Objectives: Survey on the situation of blood component transfusion at Nguyen Tri Phuong hospital and the supply situation of blood products from suppliers to the hospital during the period 2021-2023. **Subjects and methods:** Cross-Sectional. All blood products transfused at Nguyen Tri Phuong hospital from January 2021 to December 2023. The data were collected from the blood dispensing records of the Laboratory department and presented using descriptive statistics. **Results:** From 2021 to 2023, a total of 26,315 units of blood products were used, primarily consisting of red blood cells (67.6%), fresh frozen plasma (26.8%), plateletpheresis (5.2%), and cryoprecipitate (0.5%). The departments that used the most blood products were Internal Medicine Department(40.7%), Intensive Care Unit (22.6%), Surgery Department (21.2%), and Emergency Department (8.4%). Blood group O was the most frequently used (44.5%), followed by blood groups B, A, and AB at 29.3%, 21.3%, and 4.8% respectively. The supply capability from the blood supply centers met or exceeded 95.6%. **Conclusions:** The situation of blood product transfused in hospital is increasing during the period 2021-2023, the difference in the rate of blood products use reflects differences in the needs and treatment characteristics of patients in clinical departments, the ability to provide blood products from the supplier meets the hospital's needs very well. **Keywords:** Blood transfusion, Blood products

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Máu là một chế phẩm đặc biệt mà cho đến